

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 38



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3419/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về chuyển đổi Công ty Sơn Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000681 (Mã số mới 02000575580) ngày 02/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/4/2018 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200057558 ngày 26/4/2018 là: 80.071.770.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi tỷ không trăm bảy mươi một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: **HAIPHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY.**

Tên viết tắt: **HAIPHONGPAINT.**

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã HPP.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch
	Ông Vũ Trung Dũng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
	Bà Bùi Kim Ngọc	Ủy viên
	Ông Nguyễn Mộng Lân	Ủy viên
BAN KIỂM SOÁT	Bà Lã Quỳnh Chi	Trưởng Ban
	Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên
	Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2021

*Số: 151/2021/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2***BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Giám đốc Kiểm toán**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 18/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 01/9/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021*

Vũ Xuân Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2017-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		537.623.789.782	449.690.501.744
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.202.462.637	40.039.496.388
1. Tiền	111		11.602.462.637	40.039.496.388
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.600.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		97.150.000.000	76.350.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	97.150.000.000	76.350.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		266.611.985.947	181.028.762.258
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	238.124.969.997	164.095.470.967
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.730.177.752	10.592.150.293
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	21.734.947.151	8.853.866.644
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(2.978.108.953)	(2.512.725.646)
IV. Hàng tồn kho	140		159.192.151.498	145.200.891.537
1. Hàng tồn kho	141	5.6	161.638.143.274	145.821.282.470
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.445.991.776)	(620.390.933)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.467.189.700	7.071.351.561
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	669.451.426	6.849.606.673
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		785.674.069	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	12.064.205	221.744.888
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		332.477.265.406	311.368.723.562
II. Tài sản cố định	220		116.195.732.920	126.480.000.722
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	112.696.860.965	124.953.370.937
- Nguyên giá	222		255.905.134.307	251.426.769.638
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(143.208.273.342)	(126.473.398.701)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.498.871.955	1.526.629.785
- Nguyên giá	228		7.822.790.066	4.735.668.619
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.323.918.111)	(3.209.038.834)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.867.412.255	256.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	4.867.412.255	256.000.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	210.760.720.231	183.878.470.410
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		161.234.996.644	164.417.586.823
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		51.060.883.587	22.660.883.587
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.735.160.000)	(3.400.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	6.200.000.000	200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		653.400.000	754.252.430
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	653.400.000	754.252.430
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		870.101.055.188	761.059.225.306

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		449.602.762.273	398.029.583.706
I. Nợ ngắn hạn	310		428.529.785.859	386.622.813.954
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	67.556.336.141	77.211.131.442
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.951.190.814	682.610.890
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	4.392.080.600	2.319.826.261
4. Phải trả người lao động	314		6.095.325.595	4.826.762.389
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	4.429.389.561	3.294.603.266
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	15.386.526.507	15.130.630.490
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	336.516.374.751	293.097.458.736
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(9.797.438.110)	(9.940.209.520)
II. Nợ dài hạn	330		21.072.976.414	11.406.769.752
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	21.072.976.414	11.406.769.752
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		420.498.292.915	363.029.641.600
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	420.498.292.915	357.574.111.600
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.071.770.000	80.071.770.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		80.071.770.000	80.071.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.787.152.766	10.787.152.766
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.250.586.886	7.250.586.886
4. Cổ phiếu quỹ	415		(467.410.000)	(467.410.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		194.949.137.368	148.023.554.694
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		109.014.611.180	95.128.492.944
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		10.759.269.228	12.903.133.192
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		98.255.341.952	82.225.359.752
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		18.892.444.715	16.779.964.310
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	5.455.530.000
1. Nguồn kinh phí	432		-	5.455.530.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		870.101.055.188	761.059.225.306

Người lập

Đoàn Thị Dung

Kế toán trưởng

Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	854.834.611.091	796.054.469.880
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	622.270.897	210.053.006
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.18	854.212.340.194	795.844.416.874
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	628.401.140.313	604.804.092.463
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		225.811.199.881	191.040.324.411
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	13.794.978.202	5.902.670.977
7. Chi phí tài chính	22	5.21	29.116.651.596	21.101.500.645
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.427.072.149	19.783.483.029
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		(1.257.120.705)	(2.944.515.944)
9. Chi phí bán hàng	25	5.22	71.229.224.378	57.576.972.328
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	27.588.506.721	28.411.813.192
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		110.414.674.683	86.908.193.279
12. Thu nhập khác	31	5.23	1.286.057.465	1.014.275.668
13. Chi phí khác	32	5.23	1.101.584.338	249.099.216
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	5.23	184.473.127	765.176.452
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		110.599.147.810	87.673.369.731
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	5.303.266.736	531.888.754
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		105.295.881.074	87.141.480.977
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		100.187.611.426	82.225.359.752
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.108.269.648	4.916.121.225
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	12.585,69	8.796,83

Người lập

Đoàn Thị Dung

Kế toán trưởng

Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	110.599.147.810	87.673.369.731
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	18.249.283.568	17.136.130.864
- Các khoản dự phòng	03	7.385.277.656	(271.939.085)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(4.659.702)	(149.125.870)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.292.220.958)	983.173.034
- Chi phí lãi vay	06	22.427.072.149	19.783.483.029
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	146.363.900.523	125.155.091.703
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(76.757.092.520)	(15.092.384.192)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15.816.860.804)	(8.135.920.403)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(4.599.124.944)	(3.708.152.757)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	6.281.007.677	(2.748.693.530)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(22.555.872.149)	(20.118.483.029)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.520.554.211)	(519.953.699)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.325.944.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(20.546.189.605)	(10.128.979.680)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.849.213.967	67.028.468.413
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.946.471.685)	(23.052.799.885)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	473.210.000	66.681.885
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(53.390.000.000)	(87.550.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	26.590.000.000	11.050.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(28.400.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	550.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.078.620.138	3.060.488.038
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(62.044.641.547)	(96.425.629.962)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	842.550.546.224	719.042.495.182
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(789.465.423.547)	(633.766.466.941)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.731.388.550)	(24.055.508.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26.353.734.127	61.220.519.341
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(26.841.693.453)	31.823.357.792
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40.039.496.388	8.083.603.176
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	4.659.702	132.535.420
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	13.202.462.637	40.039.496.388

Người lập

Đoàn Thị Dung

Kế toán trưởng

Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc
SƠN HẢI PHÒNG
 Nguyễn Văn Dũng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 3419/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về chuyển đổi Công ty Sơn Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000681 (Mã số mới 02000575580) ngày 02/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/04/2018 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 02000575580 ngày 26/4/2018 là: 80.071.770.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi tỷ không trăm bảy mươi một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã HPP

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HAIPHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: HAIPHONGPAINT

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Số lao động bình quân trong năm 2020 là 274 người (Năm 2019 là 252 người).

1.2. Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít;
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng nông nghiệp);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Sản xuất Sơn;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container, xe bồn, xe téc;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê (bao gồm cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh, Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ quầy bar);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Chi tiết: Khách sạn;
- Đại lý du lịch;

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN/HN

1.2. Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Dịch vụ Xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất sơn, véc ni, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ phát triển, bảo vệ thương hiệu doanh nghiệp, nhãn hiệu sản phẩm;
- Nghiên cứu phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn thực phẩm;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quầy bar);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất sơn các loại.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng 2	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	51%	51%
Công ty TNHH Nhựa Phoenix	Bán buôn các loại nhựa nguyên sinh, hạt nhựa màu, nhựa Alkyd, bán buôn hóa chất, bán buôn sơn công nghiệp.....	100%	100%
Công ty liên doanh, liên kết			
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	31,21%	31,21%
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	32,94%	32,94%
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	41,52%	41,52%
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn các loại	50%	50%

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2 được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0203003498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25/9/2007, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 04 tháng 07 năm 2014. Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng sở hữu 51% vốn điều lệ.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Haiphong Paint Joint Stock Company No.2.

Vốn điều lệ : 20.850.950.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghệ Trảng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sơn, véc ni và các hóa chất sơn, quét tương tự, ma tít; mực in...

Công ty TNHH Nhựa Phoenix được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0201880643 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/6/2018.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Phoenix Resin Limited Company.

Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn các loại nhựa nguyên sinh, hạt nhựa màu, nhựa Alkyd, bán buôn hóa chất, bán buôn sơn công nghiệp.....

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, Công ty con của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng là Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2 và Công ty TNHH Nhựa Phoenix.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)**

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương chi nhánh Ngô Quyền - Hải Phòng tại ngày 31/12/2020.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương chi nhánh Ngô Quyền - Hải Phòng tại ngày 31/12/2020.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

<u>Thời điểm</u>	<u>Ngân hàng</u>	<u>Tỷ giá mua vào</u>	<u>Tỷ giá bán ra</u>
31/12/2019	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngô Quyền	23.150 VND/USD	23.225 VND/USD
31/12/2020	Ngân hàng TMCP Công thương - CN Ngô Quyền	22.995 VND/USD	23.195 VND/USD

Tiền và các khoản tương đương tiền**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là Công ty mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó

Nguyên tắc kế toán Các khoản phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình****a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm Chi phí cấp chứng nhận ISO, phần mềm quản trị, Hệ thống quản lý môi trường, tài sản vô hình khác.

- Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính phù hợp của tài sản.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ thời gian phân bổ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay, chi phí bản quyền trả: Trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ:** Công ty được cấp Giấy chứng nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 06/DNKHCN ngày 18/9/2015. Do vậy, Công ty hưởng chính sách ưu đãi thuế TNDN như sau: Hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời gian mười lăm năm (15) năm và được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo với nguyên tắc quy định Luật thuế TNDN và Công văn số 2173/CT-TT&HT ngày 21/9/2016 của Cục thuế Hải Phòng về việc giải đáp chính sách thuế. Năm 2020 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% số thuế TNDN.

Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty con - Công ty Cổ phần Sơn Hải phòng 2:

- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000017 do Ban Quản lý Các Khu Chế xuất và Công nghiệp Hải Phòng cấp ngày 19/6/2008, Công ty được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án Nhà máy Sơn tinh điện và Sơn nước như sau: Miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 (ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2009 đến hết năm 2011) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 (bảy) năm tiếp theo (từ năm 2012 đến hết năm 2020). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trong vòng 12 năm kể từ khi có dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2020 là năm thứ 10 (mười) Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo Công văn số 1375/TCT-CS ngày 14/4/2015 của Tổng cục thuế hướng dẫn về ưu đãi thuế TNDN đối với các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp Trảng Duyệt. Công ty hưởng ưu đãi thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10%, miễn 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo cho thời gian còn lại từ kỳ tính thuế năm 2015. Cụ thể: Thuế suất ưu đãi 15% từ năm 2008 đến 2014 và 10% từ năm 2015 đến năm 2022; thời gian miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2011 và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo từ năm 2012 đến năm 2020. Năm 2020 là năm cuối được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)**

Năm 2020, Công ty con được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị Quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.\

- Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các doanh nghiệp, cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh Sơn các loại và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam theo đó không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	3.246.064.068	6.162.304.920
Tiền gửi ngân hàng	8.356.398.569	33.877.191.468
Các khoản tương đương tiền	1.600.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	1.600.000.000	-
Tổng	13.202.462.637	40.039.496.388

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	97.150.000.000	97.150.000.000	76.350.000.000	76.350.000.000
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác	97.150.000.000	97.150.000.000	76.350.000.000	76.350.000.000
Dài hạn	6.200.000.000	6.200.000.000	200.000.000	200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	200.000.000	200.000.000	-	-
- Trái phiếu (*)	6.000.000.000	6.000.000.000	200.000.000	200.000.000
Tổng	103.350.000.000	103.350.000.000	76.550.000.000	76.550.000.000

(*): (1): Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2020 đáo hạn năm 2030 (Mã số: CTG2030T2/01-542): Số lượng: 50.000 trái phiếu tại ngày 30/07/2020, mệnh giá trái phiếu: 100.000VND/Trái Phiếu; kỳ hạn trái phiếu: 10 năm, lãi suất: áp dụng cho toàn bộ hạn 10 (mười) năm là lãi suất thả nổi và bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1.0%/năm; hình thức trái Phiếu: Trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ. Trái phiếu này đang được cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Ngày phát hành: Ngày 30/07/2020 - ngày đáo hạn: Ngày 30/07/2030. Phương thức trả gốc, lãi:

+ Tiền lãi trái phiếu 2030 được trả định kỳ 01 (một) năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu 2030

+ Nếu Trái Phiếu 2030 được Tổ chức Phát hành mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030 thì ngày thanh toán lãi năm thứ 05 (năm) sẽ là ngày thanh toán lãi cuối cùng của Trái phiếu 2030 và tiền lãi năm thứ 05 (năm) sẽ được thanh toán cùng tiền gốc Trái Phiếu 2030 vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu năm 2030;

+ Nếu Ngày Thanh Toán Lãi Trái và/hoặc Ngày thực hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu 2030 và/hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu 2030 và/hoặc ngày đến hạn khác không phải là Ngày làm việc thì ngày thanh toán sẽ là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó.

(2): Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đợt phát hành ngày 24/12/2020 (Mã trái phiếu: AGRIBANK202703): Số lượng 1.000 trái phiếu phổ thông tại ngày 24/12/2020, mệnh giá Trái Phiếu: 1.000.000 VNĐ/Trái phiếu; tổng mệnh giá Trái Phiếu: 1.000.000.000 VND (Một tỷ đồng), kỳ hạn 7 năm; lãi suất áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn 07 năm là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức sau: (Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + Biên độ, trong đó: Mức cộng biên độ hàng năm cho 05 năm đầu tiên là 1.3%/năm, mức cộng biên độ năm thứ 05 và năm thứ 07 mỗi năm là 1.5%/năm; hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức Ghi sổ. Trái phiếu này đang được cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Ngày phát hành: 24/12/2020, ngày đáo hạn: 24/12/2027. Phương thức thanh toán gốc, lãi:

+ Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ 01 (một) lần vào "Ngày Thanh Toán Lãi" là mỗi ngày tròn 01 (một) năm kể từ Ngày Phát hành, riêng tiền lãi cho Kỳ tính Lãi cuối cùng của Trái Phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày đáo hạn;

+ Trừ khi được mua lại trước hạn hoặc được mua theo các quy định của Các điều khoản và Điều kiện của Trái phiếu, các Trái phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá của Trái phiếu vào Ngày Đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.3 Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	238.124.969.997	164.095.470.967
Công ty Cổ phần Sơn Dầu Khí Việt Nam	-	979.086.169
Công ty TNHH sơn Samhwa Hải Phòng	9.594.645.001	7.819.499.798
Công ty Cổ phần Sản xuất bảo hộ lao động và thương mại Sơn Linh	14.111.362.925	11.911.101.447
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	-	2.896.587.883
Công ty Cổ phần Sơn và hóa chất Hoa Phượng	3.459.152.657	13.483.448.982
Công ty Cổ phần Sơn Quang Huy	31.042.496.000	16.779.711.300
Phải thu các đối tượng khác	179.917.313.414	110.226.035.388
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết xem tại thuyết minh 6.1)</i>		
Tổng	238.124.969.997	164.095.470.967

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	21.734.947.151	-	8.853.866.644	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	5.344.254.503	-	2.688.146.778	-
Phải thu lãi đầu tư vốn và cổ tức	13.103.000.786	-	2.436.863.847	-
Tạm ứng	2.440.378.843	-	2.135.779.634	-
Ký cược, ký quỹ	422.618.281	-	239.110.488	-
Phải thu khác	424.694.738	-	1.353.965.897	-
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh 6.1)</i>				
Tổng	21.734.947.151	-	8.853.866.644	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.5 Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	3.697.256.569	719.147.634	2.512.725.646	-
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 6 tháng - 01	Quá hạn 01-02 năm	Quá hạn 02-03 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Dương Giang	-	448.623.581	-	-
Công ty Cổ phần Minh Xuân	-	-	-	358.680.064
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên công nghiệp tàu thủy Bến Kiên	-	-	-	263.882.194
Công ty Cổ phần Lilama 5	-	-	-	392.388.933
Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Sao Thủy	-	858.206.864	-	-
Công ty TNHH Thương mại và xăng dầu Hoàng Linh	-	-	219.108.246	-
Các đối tượng khác	-	-	-	1.156.366.687
Tổng		1.306.830.445	219.108.246	2.171.317.878

5.6 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	98.866.471.007	(1.182.756.928)	93.816.769.652	(610.036.429)
Công cụ, dụng cụ	1.786.790.313	-	2.052.710.762	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	693.114.290	-	474.807.270	-
Thành phẩm	60.291.767.664	(1.263.234.848)	49.476.994.786	(10.354.504)
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Tổng	161.638.143.274	(2.445.991.776)	145.821.282.470	(620.390.933)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	669.451.426	6.849.606.673
Chi phí Bảo hiểm	-	32.798.788
Chi phí sửa chữa	78.655.857	131.113.295
Công cụ dụng cụ phân bổ	495.052.534	384.564.886
Đề tài 119	-	4.068.607.666
Đề tài sơn trên bề mặt thép mạ kẽm	-	820.972.065
Các khoản khác	95.743.035	1.411.549.973
Dài hạn	653.400.000	754.252.430
Công cụ dụng cụ phân bổ	-	14.011.000
CP trả trước mua công thức Sơn	653.400.000	-
Chi phí đề tài SX thử nghiệm nhựa Alkyd	-	740.241.430
Tổng	1.322.851.426	7.603.859.103

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2020	68.192.617.829	111.860.209.780	62.465.549.361	8.908.392.668	251.426.769.638
Tăng trong năm	1.837.242.934	3.098.395.049	91.261.818	267.000.000	5.293.899.801
Mua trong năm	583.116.677	3.058.695.049	85.000.000	267.000.000	3.993.811.726
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.254.126.257	-	-	-	1.254.126.257
Điều chuyển, phân loại lại	-	39.700.000	6.261.818	-	45.961.818
Giảm trong năm	-	769.573.314	-	45.961.818	815.535.132
Thanh lý, nhượng bán	-	769.573.314	-	-	769.573.314
Điều chuyển, phân loại lại	-	-	-	45.961.818	45.961.818
Số dư tại 31/12/2020	70.029.860.763	114.189.031.515	62.556.811.179	9.129.430.850	255.905.134.307
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2020	29.503.734.920	63.947.975.758	27.021.801.237	5.999.886.786	126.473.398.701
Tăng trong năm	3.313.578.459	7.451.087.161	5.717.808.160	843.462.337	17.325.936.117
Khấu hao trong năm	3.313.544.300	7.410.345.518	5.567.052.136	843.462.337	17.134.404.291
Điều chuyển, phân loại lại	34.159	40.741.643	150.756.024	-	191.531.826
Giảm trong năm	-	399.529.650	-	191.531.826	591.061.476
Thanh lý, nhượng bán	-	399.529.650	-	-	399.529.650
Điều chuyển, phân loại lại	-	-	-	191.531.826	191.531.826
Số dư tại 31/12/2020	32.817.313.379	70.999.533.269	32.739.609.397	6.651.817.297	143.208.273.342
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2020	38.688.882.909	47.912.234.022	35.443.748.124	2.908.505.882	124.953.370.937
Tại 31/12/2020	37.212.547.384	43.189.498.246	29.817.201.782	2.477.613.553	112.696.860.965

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 55.151.304.803 đồng (Tại ngày 31/12/2019 là 68.239.786.819 đồng)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 63.116.793.520 đồng (Tại ngày 31/12/2019 là 50.230.890.741 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Hệ thống quản lý môi trường	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2020	2.680.450.381	1.524.834.500	272.015.238	258.368.500	4.735.668.619
Tăng trong năm	2.358.360.478	520.000.000	-	208.760.969	3.087.121.447
Mua trong năm	2.358.360.478	520.000.000	-	208.760.969	3.087.121.447
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	5.038.810.859	2.044.834.500	272.015.238	467.129.469	7.822.790.066

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại 01/01/2020	1.462.082.506	1.219.017.050	269.570.778	258.368.500	3.209.038.834
Tăng trong năm	858.158.298	232.530.584	2.444.460	21.745.935	1.114.879.277
Khấu hao trong năm	858.158.298	232.530.584	2.444.460	21.745.935	1.114.879.277
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	2.320.240.804	1.451.547.634	272.015.238	280.114.435	4.323.918.111

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2020	1.218.367.875	305.817.450	2.444.460	-	1.526.629.785
Tại 31/12/2020	2.718.570.055	593.286.866	-	187.015.034	3.498.871.955

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
- Nhà nghỉ công nhân	-	-	100.000.000	100.000.000
- Phần mềm quản trị	-	-	156.000.000	156.000.000
- Dây chuyền máy móc, thiết bị	46.465.000	46.465.000	-	-
- Cải tạo sửa chữa nhà xưởng sản xuất	490.633.285	490.633.285	-	-
- Lắp đặt nhà nấu nhựa Alkyd	4.250.292.152	4.250.292.152	-	-
- Sửa chữa công trình nhà văn phòng	80.021.818	80.021.818	-	-
Tổng	4.867.412.255	4.867.412.255	256.000.000	256.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ			31/12/2020		01/01/2020	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				161.234.996.644	-	164.417.586.823	-
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	31,21%	31,21%	112.370	18.571.555.417	-	19.459.887.411	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	56,28%	32,94%	2.840.800	27.881.040.799	-	27.830.904.686	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu (*)	41,52%	41,52%	11.020.298	105.468.479.145	-	109.557.582.655	-
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	50%	50%		9.313.921.283	-	7.569.212.071	-
Đầu tư vào đơn vị khác				51.060.883.587	(7.735.160.000)	22.660.883.587	(3.400.000.000)
Công ty Cổ phần Giải pháp Sơn chuyên nghiệp PAINTPRO	18,34%	18,64%	441.146	4.484.759.811	(4.335.160.000)	4.484.759.811	-
Công ty TNHH VICO (**)	12%	12%		12.132.544.000	-	12.132.544.000	-
Công ty Cổ phần SIVICO (***)	7%	7%	202.500	1.243.579.776	-	1.243.579.776	-
Công ty Cổ phần Bao Bi VLC	5%	5%	140.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
Công ty CP Tôn mạ màu Việt Pháp			340.000	3.400.000.000	(3.400.000.000)	3.400.000.000	(3.400.000.000)
Ủy thác cho Công ty cổ phần Tập đoàn VLC đầu tư				28.400.000.000	-	-	-
Tổng				212.295.880.231	(7.735.160.000)	187.078.470.410	(3.400.000.000)

(*): Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu và được chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 791.830 cổ phiếu. Do vậy, số cổ phiếu Công ty năm giữ là 10.657.530 cổ phiếu.

(**): Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vico, trong năm 2018 Công ty chia lợi nhuận năm 2017 tăng vốn góp các thành viên là 6.066.272.000 đồng và Công ty Sơn Hải Phòng góp vốn bổ sung vốn là 6.066.272.000 đồng. Năm 2020, Công ty TNHH Vico tăng vốn 15% bằng lợi nhuận năm 2019 tương đương với số tiền là 2.729.822.000 đồng,

(***): Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần SIVICO và được chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 78.142 cổ phiếu. Do vậy, số cổ phiếu Công ty năm giữ là 202.500 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.12 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	67.556.336.141	67.556.336.141	77.211.131.442	77.211.131.442
Công ty TNHH FSI Việt Nam	4.086.301.175	4.086.301.175	3.256.121.951	3.256.121.951
Guangzhou Kinte Industrial	8.345.245.199	8.345.245.199	7.385.434.525	7.385.434.525
KUKDO CHEMICAL CO. LTD	1.488.063.103	1.488.063.103	8.831.671.380	8.831.671.380
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hà Anh Phát	-	-	2.992.584.500	2.992.584.500
Chugoku Marine Paint Singapore	6.925.290.195	6.925.290.195	12.744.353.071	12.744.353.071
SAMHWA PAINTS IND CO., LTD	3.522.451.615	3.522.451.615	5.484.317.296	5.484.317.296
Công ty cổ phần Sơn Dầu Khí Việt Nam	1.011.294.129	1.011.294.129	5.429.595.086	5.429.595.086
Allnex ThaiLand Ltd	2.136.563.749	2.136.563.749	2.561.994.059	2.561.994.059
Phải trả người bán ngắn hạn khác	40.041.126.976	40.041.126.976	28.525.059.574	28.525.059.574
b. Dài hạn	-	-	-	-
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh 6.1)</i>				
Tổng	67.556.336.141	67.556.336.141	77.211.131.442	77.211.131.442

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
	Phải nộp	2.319.826.261	60.465.285.169	58.393.030.830
Thuế giá trị gia tăng	1.829.704.509	48.624.877.971	48.383.613.531	2.070.968.949
Thuế XNK	-	1.448.285.904	1.448.285.904	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.618.511	5.195.844.185	3.520.554.211	1.901.908.485
Thuế thu nhập cá nhân	116.611.098	4.268.520.838	4.255.396.315	129.735.621
Thuế Nhà thầu	140.727.014	692.243.668	556.885.669	276.085.013
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	124.312.603	124.312.603	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.165.129	103.200.000	95.982.597	13.382.532
Phải thu	221.744.888	280.292.146	70.611.463	12.064.205
Thuế giá trị gia tăng	76.872.999	76.872.999	-	-
Thuế XNK	37.449.338	95.996.596	70.611.463	12.064.205
Thuế thu nhập doanh nghiệp	107.422.551	107.422.551	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	4.429.389.561	3.294.603.266
Chi phí sử dụng bản quyền phải trả CMP	1.547.800.107	1.266.543.129
Chi phí lãi vay	534.200.000	663.000.000
Trích chi phí vật tư, chi phí khác	731.226.048	1.099.600.000
Các khoản khác	404.444.137	-
Chi phí thuê kho, văn phòng	-	265.460.137
Dự phòng hàng lỗi	268.750.000	-
Chi phí sử dụng bản quyền phải trả Samhwa	942.969.269	-
Dài hạn	-	-
Tổng	4.429.389.561	3.294.603.266

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	15.386.526.507	15.130.630.490
Kinh phí công đoàn	434.890.664	474.469.332
Bảo hiểm xã hội	1.513.408	201.267
Phải trả cổ phần hóa	105.050.000	105.050.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.296.900.255	-
Phải trả, phải nộp khác	13.548.172.180	14.550.909.891
<i>Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>4.904.438.764</i>	<i>2.489.795.378</i>
<i>Góp vốn mua du thuyền</i>	<i>7.434.500.000</i>	<i>7.434.500.000</i>
<i>Các khoản phải trả phải nộp khác</i>	<i>1.209.233.416</i>	<i>4.626.614.513</i>
Tổng	15.386.526.507	15.130.630.490

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	336.516.374.751	336.516.374.751	801.514.510.240	758.095.594.225	293.097.458.736	293.097.458.736
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (1)	128.664.461.231	128.664.461.231	276.189.784.682	273.743.927.370	126.218.603.919	126.218.603.919
Ngân Hàng TNHH CTBC - Chi nhánh HCM (2)	28.751.606.262	28.751.606.262	82.276.992.221	94.999.413.292	41.474.027.333	41.474.027.333
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	-	17.483.271.728	17.483.271.728	17.483.271.728
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (3)	113.966.964.268	113.966.964.268	224.566.941.850	161.894.591.046	51.294.613.464	51.294.613.464
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (3)	5.528.418.770	5.528.418.770	5.533.078.472	4.659.702	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	-	-	-	3.629.650.446	3.629.650.446	3.629.650.446
Ngân hàng Việt Nga	-	-	30.067.026.828	30.067.026.828	-	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Hải Phòng	-	-	82.988.022.232	122.983.048.979	39.995.026.747	39.995.026.747
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (4)	44.660.812.920	44.660.812.920	77.494.513.137	32.833.700.217	-	-
Công ty Cổ phần Sivico	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Vay cá nhân (5)	14.944.111.300	14.944.111.300	19.398.150.818	17.456.304.617	13.002.265.099	13.002.265.099
Vay dài hạn	21.072.976.414	21.072.976.414	41.036.035.984	31.369.829.322	11.406.769.752	11.406.769.752
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội (6), (7), (8)	4.837.973.129	4.837.973.129	4.423.471.718	1.767.363.989	2.181.865.400	2.181.865.400
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	-	1.392.000.000	1.392.000.000	1.392.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	-	3.694.947.378	3.694.947.378	3.694.947.378
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển - CN Hải Phòng	-	-	-	440.000.000	440.000.000	440.000.000
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	16.235.003.285	16.235.003.285	36.612.564.266	24.075.517.955	3.697.956.974	3.697.956.974
Tổng	357.589.351.165	357.589.351.165	842.550.546.224	789.465.423.547	304.504.228.488	304.504.228.488

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

<1> Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2020/HĐCVHM/NHCT168-SONHP ký ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng với hạn mức cho vay là 150.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng). Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi hợp đồng tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT168-CPSONHP ngày 31/10/2019. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 22/12/2020 đến hết ngày 30/11/2021. Mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay của từng khoản nợ được xác định tại từng khế ước và theo biên bản điều chỉnh (nếu có).

<2> Hợp đồng tín dụng ngắn hạn tuần hoàn số STVN1304-19 ngày 08/7/2019 giữa Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng với số hạn mức tín dụng là 1.800.000 USD (Bằng chữ: Một triệu tám trăm ngàn đô la mỹ chẵn). Thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày 08/07/2019, hàng năm vào đúng ngày hết hạn của khoản tín dụng thì khoản tín dụng sẽ được tự động gia hạn thêm một thời hạn là 01 năm trừ khi vào thời điểm đó khoản tín dụng đã bị ngân hàng hủy bỏ. Lãi suất cho vay của từng khoản nợ được áp dụng là mức lãi suất tính theo năm do Ngân hàng xác định và được bên vay chấp thuận. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ là 180 ngày (bao gồm cả thời hạn trả chậm cung cấp bởi người bán nếu khoản vay đó dùng để thanh toán cho thư tín dụng). Mục đích vay: tài trợ cho vốn lưu động.

<3> Hợp đồng tín dụng số 2100-LAV-202000770 ký ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hải Phòng và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng với hạn mức cấp tín dụng là 120.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng). Hạn mức cho vay bao gồm toàn bộ nợ và nghĩa vụ tại hợp đồng tín dụng số 2100-LAV-201900779 ký ngày 11 tháng 12 năm 2019. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động thanh toán các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh sơn, dầu, nhựa các loại và các mặt hàng khác theo giấy phép kinh doanh cho kỳ kế hoạch kinh doanh năm 2020 - 2021. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nhận nợ tối đa không quá 06 tháng/lần nhận nợ kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và không vượt quá thời hạn cho vay còn lại của khoản vay tại các TCTD khác trong trường hợp cho vay trả nợ khoản cấp tín dụng tại các TCTD khác. Lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc trong hạn: VNĐ: 7,5%/năm; USD: 4,5%/năm. Cho vay có bảo đảm một phần bằng tài sản, tỷ lệ cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa 40% tổng mức cấp tín dụng

<4> Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01.2020/HĐCVHM/VCB-SHP2 ngày 15/10/2020 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2. Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng) bao gồm cả các khoản dư nợ vay của khách hàng theo hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 01-2020/HĐCVTL-SHP2 ký ngày 08 tháng 10 năm 2020. Lãi suất: Xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay ghi trên từng Giấy nhận nợ. Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng. Thời hạn vay không quá 06 tháng, thời hạn cấp hạn mức là hết ngày 08 tháng 10 năm 2021. Hợp đồng vay không có tài sản đảm bảo

<5> Vay cá nhân trong công ty lãi suất 7,5%/năm

<6> Hợp đồng cho thuê tài chính số C190628812 ngày 27/6/2019 giữa Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng v/v thuê tài sản với thời hạn thuê 30 tháng kể từ ngày 28/6/2019, tổng giá trị tài sản thuê là 1.376.828.579 đồng, trả trước số tiền 385.512.002 đồng, giá trị thuê là 991.316.577 đồng, Lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC + Biên độ (2,14%), lãi suất thuê tạm thời tại thời điểm ký hợp đồng 8,62%/năm.

<7> Hợp đồng cho thuê tài chính số C190629012 ngày 28/8/2019 giữa Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng v/v thuê tài sản với thời hạn thuê 30 tháng kể từ ngày 29/08/2019, tổng giá trị tài sản thuê là 784.890.480 đồng, trả trước số tiền 219.769.334 đồng, giá trị thuê là 565.121.146 đồng, Lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC + Biên độ (2,14%), lãi suất thuê tạm thời tại thời điểm ký hợp đồng là 8,67%/năm.

<8> Hợp đồng thuê tài sản số C201025715-PC ngày 28/10/2020 giữa Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng về việc thuê tài sản với thời hạn thuê là 36 tháng kể từ 07/12/2020, tổng giá trị tài sản thuê là 6.143.710.719 đồng, trả trước số tiền 1.720.239.001 đồng, giá trị thuê là 4.423.471.718 đồng, Lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC + Biên độ (2,14%), lãi suất thuê tạm thời tại thời điểm ký hợp đồng là 8,75%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	135.932.229.694	57.666.956.244	12.955.796.305	304.197.081.895
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	82.225.359.752	4.916.121.225	87.141.480.977
Trích Quỹ đầu tư Phát triển	-	-	-	-	12.091.325.000	(12.091.325.000)	-	-
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	-	(23.881.308.000)	(1.062.000.000)	(24.943.308.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.285.058.117)	(29.953.220)	(8.315.011.337)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(4.737.379)	-	(4.737.379)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(406.138.586)	-	(406.138.586)
Phạt thuế	-	-	-	-	-	(95.255.970)	-	(95.255.970)
Số dư tại 31/12/2019	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	148.023.554.694	95.128.492.944	16.779.964.310	357.574.111.600
Số dư tại 01/01/2020	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	148.023.554.694	95.128.492.944	16.779.964.310	357.574.111.600
Lãi trong năm này	-	-	-	-	-	100.187.611.426	5.108.269.648	105.295.881.074
Trích Quỹ đầu tư Phát triển	-	-	-	-	47.112.307.768	(47.112.307.768)	-	-
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	-	(23.881.308.000)	-	(23.881.308.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(12.198.781.541)	(840.213.110)	(13.038.994.651)
Trích quỹ khen thưởng HĐQT	-	-	-	-	-	(2.081.000.000)	-	(2.081.000.000)
Chi trả cổ tức công ty con	-	-	-	-	-	(2.124.000.000)	(2.124.000.000)	(4.248.000.000)
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	(186.725.094)	1.209.340.483	(31.576.133)	991.039.256
Phạt thuế	-	-	-	-	-	(113.436.364)	-	(113.436.364)
Số dư tại 31/12/2020	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	194.949.137.368	109.014.611.180	18.892.444.715	420.498.292.915

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	80.071.770.000	80.071.770.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	80.071.770.000	80.071.770.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	87.397.397.309	44.257.691.117

c. Cổ tức**Cổ tức công bố sau ngày kết thúc năm tài chính**

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

Năm 2020
Chưa công bố, mới
thông báo tạm ứng cổ
tức năm 2020 là 15%

d. Cổ phiếu

	Năm 2020 Cổ phiếu	Năm 2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đầu năm	8.007.177	8.007.177
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại Cổ phiếu phổ thông	46.741	46.741
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	7.960.436	7.960.436
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.18 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	854.834.611.091	796.054.469.880
Tổng	854.834.611.091	796.054.469.880
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	622.270.897	210.053.006
Tổng	622.270.897	210.053.006
Doanh thu thuần		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	854.212.340.194	795.844.416.874
Tổng	854.212.340.194	795.844.416.874

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.19 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	628.401.140.313	604.804.092.463
Tổng	628.401.140.313	604.804.092.463

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.926.271.527	3.840.039.257
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.519.903.800	1.206.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	343.376.887	160.651.605
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.659.702	149.125.870
Doanh thu hợp tác kinh doanh	-	443.903.653
Doanh thu hoạt động tài chính khác	766.286	102.950.592
Tổng	13.794.978.202	5.902.670.977

5.21 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	22.427.072.149	19.783.483.029
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.185.476.740	1.318.017.616
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	166.257.307	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	4.335.160.000	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.685.400	-
Tổng	29.116.651.596	21.101.500.645

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.22 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí bán hàng	71.229.224.378	57.576.972.328
Chi phí nhân viên	14.624.291.276	13.251.368.567
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	93.027.267
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	383.872.887	464.717.001
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.379.172.615	1.197.891.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
- Chi phí bốc xếp, vận chuyển	15.656.662.461	12.859.844.086
- Chi phí quảng cáo tiếp thị	11.869.038.205	12.074.500.936
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	11.957.141.433	6.359.782.337
Chi phí bằng tiền khác	15.359.045.501	11.275.841.026
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.588.506.721	28.411.813.192
Chi phí nhân viên quản lý	13.077.116.058	12.710.674.717
Chi phí vật liệu quản lý	33.058.522	28.422.727
Chi phí đồ dùng văn phòng	858.926.358	1.296.569.196
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.421.575.435	1.569.937.205
Thuế phí và lệ phí	927.442.785	837.576.887
Chi phí dự phòng	1.224.516.813	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.885.804.889	4.558.194.058
Chi phí bằng tiền khác	8.160.065.861	7.410.438.402
Tổng	98.817.731.099	85.988.785.520

5.23 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý, bán phế liệu, vật tư, công cụ	413.210.000	6.681.885
Thu chênh lệch kiểm kê	40.609.775	21.731.961
Thu cho thuê nhà văn phòng	494.666.364	517.181.822
Các khoản khác	337.571.326	468.680.000
Tổng	1.286.057.465	1.014.275.668
Chi phí khác		
Giá trị còn lại tài sản, công cụ, vật tư thanh lý	370.043.664	195.774.579
Chi phí phạt truy thu thuế GTGT, TNDN	731.540.674	53.324.637
Tổng	1.101.584.338	249.099.216
Lợi nhuận khác	184.473.127	765.176.452

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.303.266.736	531.888.754
Tổng	5.303.266.736	531.888.754

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	105.295.881.074	87.141.480.977
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	5.108.269.648	4.916.121.225
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (*)	-	12.198.781.541
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	100.187.611.426	70.026.578.211
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.960.436	7.960.436
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	12.585,69	8.796,83

(*) Các khoản điều chỉnh giảm năm 2018 là khoản phân phối Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty mẹ số 16/NQ-ĐHCD ngày 24/4/2019 của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng Số 2 về việc phân phối lợi nhuận.

5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	461.384.988.035	563.252.778.115
Chi phí nhân công	55.589.391.743	71.513.164.305
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.249.283.568	14.039.312.524
Chi phí dự phòng	1.224.516.813	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.462.508.438	79.719.961.155
Chi phí khác bằng tiền	25.730.512.474	36.124.106.140
Tổng	623.641.201.071	764.649.322.239

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Giám đốc, Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	7.030.886.851	4.364.921.037
Tổng		7.030.886.851	4.364.921.037

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Trong đó:****Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	457.000.000	-
Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	533.150.000	-
Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT	228.495.000	-
Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT	228.495.000	-
Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	228.495.000	-

Thù lao thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Lã Quỳnh Chi	Trưởng BKS	152.330.000	-
Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	76.165.000	-
Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	76.165.000	-

Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	10.500.000
Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	8.000.000	8.000.000
Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	1.978.498.740	1.692.240.882
Vũ Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	1.070.968.771	943.609.627
Bùi Kim Ngọc	Kế toán trưởng	1.081.541.199	929.742.736
Lã Quỳnh Chi	Trưởng BKS	8.000.000	8.000.000
Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	654.219.385	553.918.024
Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	244.363.756	218.909.768

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Bán hàng hóa và dịch vụ			
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Bán hàng hóa	2.722.491.395	12.673.728.030
Công ty TNHH Vico	Bán hàng hóa	10.864.158.000	-
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	Bán hàng	52.409.004.259	71.872.757.747
	Thuê văn phòng	84.000.000	84.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ			
Công ty Cổ phần Sivico	Mua hàng	58.400.000	-
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	Mua hàng	465.914.893	-
Chia lãi Công ty con, liên doanh			
Công ty Cổ phần Sivico	Cổ tức	486.000.000	486.000.000
Công ty TNHH Vico	Cổ tức	2.092.863.800	-
	Lãi đầu tư	336.604.526	-
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Cổ tức	674.220.000	1.123.700.000
Công ty Cổ phần Bao Bì VLC	Cổ tức	640.000.000	640.000.000
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Lãi đầu tư	5.641.637.257	2.930.597.259
	Gốc đầu tư	67.900.000.000	25.350.000.000

Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải trả	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần SIVICO	-	353.320.000
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	1.011.294.129	5.429.595.086

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Bán hàng	-	979.086.169
	Tiền cổ tức	674.220.000	1.123.700.000
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Tiền đầu tư tài chính	93.250.000.000	72.450.000.000
	Lãi đầu tư tài chính	5.582.418.912	26.940.781.655
	Tiền thuế	1.330.166.592	1.330.166.592
Công ty TNHH VICO	Tiền cổ tức	2.092.863.800	-
Công ty Cổ phần SIVICO	Bán hàng	-	-
	Tiền cổ tức	486.000.000	486.000.000
Công ty Cổ phần Bao Bì VLC	Bán hàng	1.540.000	1.540.000
	Tiền cổ tức	1.334.601.644	640.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	Tiền đầu tư tài chính	3.900.000.000	3.900.000.000
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	Bán hàng	9.594.645.001	7.819.499.798

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Đoàn Thị Dung

Kế toán trưởng



Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

